

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 136/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2021, giữa:

+ *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1987. Địa chỉ: Xóm V, xã M, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. (Nơi ĐKKHKT: Xóm R, xã M, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình).

+ *Bị đơn*: Anh Bùi Văn P (tên gọi khác là Bùi Ngọc P), sinh năm 1983.
Địa chỉ: Xóm R, xã M, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Bùi Ngọc P2, sinh năm 1960 và bà Bùi Thị T, sinh năm 1961. Cùng địa chỉ: Xóm R, xã M, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị T: Ông Bùi Ngọc P2, sinh năm 1960. Địa chỉ: Xóm R, xã M, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, khoản 1 Điều 59, khoản 1 Điều 60, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn P (tên gọi khác là Bùi Ngọc P).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn P (tên gọi khác là Bùi Ngọc P) thuận tình ly hôn nhau.

2.2. Về con chung: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn P có 02 con chung là Bùi Tuấn H1, sinh ngày 25/10/2009 và Bùi Tuấn H2, sinh ngày 08/11/2014. Khi ly

hôn, chị Bùi Thị H nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung và chưa có yêu cầu anh Bùi Văn P đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Bùi Văn P có quyền thăm nom con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận về chia tài sản chung và đề nghị Tòa án công nhận như sau:

Tài sản chung của anh Bùi Văn P và chị Bùi Thị H gồm có 01 ngôi nhà 2 tầng làm trên đất của ông Bùi Ngọc P2 và bà Bùi Thị T tại xóm R, xã M, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình; 5.000m² cây keo trồng trên đất của ông Bùi Ngọc P2 và bà Bùi Thị T tại xóm R, xã M, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình; 01 TV; 01 kệ để TV, 01 bếp gas; 01 tủ đựng quần áo 2 buồng; 01 máy giặt; 01 quạt trần; 01nồi cơm điện; 02 chiếc giường đôi. Khi ly hôn, chị Bùi Thị H được quyền sở hữu, sử dụng các vật dụng là 01 TV; 01 kệ để TV, 01 bếp gas; 01 tủ đựng quần áo 2 buồng; 01 máy giặt; 01 quạt trần; 01nồi cơm điện; 02 chiếc giường đôi. Anh Bùi Văn P được quyền sở hữu, sử dụng ngôi nhà 2 tầng và 5.000m² cây keo. Ông Bùi Ngọc P2, bà Bùi Thị T tiếp tục cho anh Bùi Văn P sử dụng đất có ngôi nhà 2 tầng và 5.000m² đất trồng keo. Anh Bùi Văn P có nghĩa vụ trả giá trị chênh lệch tài sản chung cho chị Bùi Thị H là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

2.4. Về nợ chung: Không có.

2.5. Về án phí: Chị Bùi Thị H nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0005538, ngày 08/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn; chị Bùi Thị H còn được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- Viện KSND huyện Lạc Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- UBND xã M – Lạc Sơn – Hòa Bình;
- (Nơi đăng ký kết hôn ngày 12/8/2009)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn